

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xi nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 1700572808 thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 05 năm 2010 và Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000470 ngày 12 tháng 02 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 23.359.610.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác cát, sỏi; Khai thác đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê ô tô; Cho thuê xe có động cơ khác.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lư Văn Còn	Chủ tịch
Ông Lâm Duy Khánh	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Khai	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lâm Duy Khánh	Giám đốc
Ông Phạm Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Mạc Thanh Dũng	Phó Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

---

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

*Kiên Lương, ngày 20 tháng 03 năm 2012*

**GIÁM ĐỐC**



**LÂM DUY KHÁNH**

Số: 12.116/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 20 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**  
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.861.863.073</b>	<b>10.124.432.322</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>1.589.968.730</b>	<b>2.375.949.048</b>
1. Tiền	111		1.329.968.730	1.075.949.048
2. Các khoản tương đương tiền	112		260.000.000	1.300.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>4.694.396.071</b>	<b>4.949.292.689</b>
1. Phải thu khách hàng	131		3.846.792.430	3.624.634.788
2. Trả trước cho người bán	132		880.441.069	1.541.832.350
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		145.181.612	50.025.871
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(178.019.040)	(267.200.320)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>5.351.587.388</b>	<b>2.435.681.917</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.351.587.388	2.435.681.917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.225.910.884</b>	<b>363.508.668</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		289.144.521	154.932.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		770.404.677	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	655.698
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		166.361.686	207.920.500

(Phần tiếp theo trang 05)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.050.601.779</b>	<b>26.852.373.614</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.943.288.622</b>	<b>24.290.446.364</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	18.650.584.202	18.944.037.194
+ Nguyên giá	222		28.320.954.279	26.969.379.562
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.670.370.077)	(8.025.342.368)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	5.157.874.028	5.316.004.625
+ Nguyên giá	228		6.281.557.600	6.213.375.782
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.123.683.572)	(897.371.157)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	16.134.830.392	30.404.545
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.107.313.157</b>	<b>2.561.927.250</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.107.313.157	2.561.927.250
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>54.912.464.852</b>	<b>36.976.805.936</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.715.687.830</b>	<b>7.615.272.720</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23.215.687.830</b>	<b>7.601.978.328</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	6.624.115.648	2.301.383.398
2. Phải trả người bán	312	5.9	5.578.500.167	1.108.927.287
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	341.129.598	30.464.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.675.963	120.451.958
5. Phải trả người lao động	315		508.177.712	695.011.159
6. Chi phí phải trả	316		94.603.546	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	9.250.346.978	2.572.245.575
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	817.138.218	773.494.951
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.500.000.000</b>	<b>13.294.392</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	3.500.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	13.294.392
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28.196.777.022</b>	<b>29.361.533.216</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>28.196.777.022</b>	<b>29.361.533.216</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		23.359.610.000	23.359.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.081.379.611	805.496.415
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		29.980	16.377.480
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.755.757.431	5.180.049.321
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>54.912.464.852</b>	<b>36.976.805.936</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ

Kiên Lương, ngày 20 tháng 03 năm 2012



LÂM DUY KHÁNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		31.069.799.449	29.878.511.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	44.809.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	31.069.799.449	29.833.702.669
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	19.158.713.372	17.981.528.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.911.086.077	11.852.174.059
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		88.832.636	197.463.081
7. Chi phí tài chính	22		942.095.720	470.416.844
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<b>925.552.720</b>	<b>470.416.844</b>
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	<b>2.556.539.206</b>	<b>1.933.601.054</b>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	2.376.074.166	2.707.912.713
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.125.209.621	6.937.706.529
11. Thu nhập khác	31		10.200.000	105.611
12. Chi phí khác	32		4.671.922	4.810.512
13. Lợi nhuận khác	40		5.528.078	(4.704.901)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.130.737.699	6.933.001.628
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.130.737.699	6.933.001.628
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.13.4	2.625	2.968

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**PHẠM VĂN CƠ**

Kiên Lương, ngày 20 tháng 03 năm 2012



**GIÁM ĐỐC**

**LÂM DUY KHÁNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.130.737.699	6.933.001.628
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.871.340.124	1.794.716.962
Các khoản dự phòng	03		(89.181.280)	26.575.715
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(88.832.636)	(197.463.081)
Chi phí lãi vay	06		925.552.720	470.416.844
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>8.749.616.627</b>	<b>9.027.248.068</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(401.527.958)	(818.021.747)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.915.905.471)	1.410.740.664
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		7.816.628.795	(4.338.928.743)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		320.402.042	(1.065.150.889)
Tiền lãi vay đã trả	13		(925.552.720)	(470.416.844)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(24.067.240)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(496.590.636)	(529.621.771)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.147.070.679</b>	<b>3.191.781.498</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.187.235.883)	(1.481.888.647)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.832.636	197.463.081
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.098.403.247)</b>	<b>(1.284.425.566)</b>

(Phần tiếp theo trang 10)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

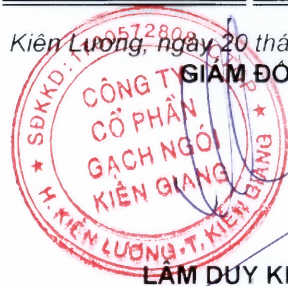
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.689.864.030	8.069.042.637
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.867.131.780)	(7.066.956.541)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.657.380.000)	(2.335.961.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.165.352.250</b>	<b>(1.333.874.904)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(785.980.318)</b>	<b>573.481.028</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.375.949.048</b>	<b>1.802.468.020</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1.589.968.730</b>	<b>2.375.949.048</b>

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHẠM VĂN CƠ**

Kiên Lương, ngày 20 tháng 03 năm 2012

**LÂM DUY KHÁNH**

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 1700572808 thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 05 năm 2010 và Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000470 ngày 12 tháng 02 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 23.359.610.000 đồng.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch tuynel.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác cát, sỏi; Khai thác đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê ô tô; Cho thuê xe có động cơ khác.

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### **4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### **4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### **4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 25 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 09 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm
+ Tài sản cố định vô hình	25 – 30 năm

#### 4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

#### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

(phần tiếp theo ở trang 14)

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000470 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	42.661.205	141.703
Tiền gửi ngân hàng	1.287.307.525	1.075.807.345
Các khoản tương đương tiền	260.000.000	1.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.589.968.730</b>	<b>2.375.949.048</b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	3.846.792.430	3.624.634.788
Trả trước cho người bán	880.441.069	1.541.832.350
Các khoản phải thu khác	145.181.612	50.025.871
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>4.872.415.111</b>	<b>5.216.493.009</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(178.019.040)	(267.200.320)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>4.694.396.071</b>	<b>4.949.292.689</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải thu các bên có liên quan là 1.867.735.010 VND – xem thêm mục 8.

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.614.574.572	1.851.189.093
Công cụ, dụng cụ	20.905.926	10.294.786
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	544.676.432	125.381.491
Thành phẩm	171.430.458	448.816.547
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>5.351.587.388</b>	<b>2.435.681.917</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>5.351.587.388</b>	<b>2.435.681.917</b>

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	ĐVT: ngàn đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	16.490.422	7.091.940	3.268.571	118.446	26.969.379
Tăng trong năm	719.646	-	547.365	90.928	1.357.938
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(6.364)	(6.364)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.210.068</b>	<b>7.091.940</b>	<b>3.815.936</b>	<b>203.010</b>	<b>28.320.954</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.095.032	2.540.789	1.332.410	57.110	8.025.342
Khấu hao trong năm	738.743	455.805	414.980	35.501	1.645.028
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.833.775</b>	<b>2.996.594</b>	<b>1.747.390</b>	<b>92.611</b>	<b>9.670.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**Giá trị còn lại**

Tại ngày đầu năm	12.395.390	4.551.150	1.936.160	61.337	18.944.037
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>12.376.293</b>	<b>4.095.346</b>	<b>2.068.546</b>	<b>110.400</b>	<b>18.650.585</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 563.178.813 đồng

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Giá trị tài sản cố định vô hình chủ yếu là chi phí đền bù giải tỏa để có được 70 hecta đất của nhà máy và phần mềm kế toán.

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Mở rộng văn phòng công ty	59.062.278	30.404.545
Thiết bị tạo hình	6.840.889.311	-
Xây dựng nhà xưởng	8.577.834.705	-
Nâng cấp đường vào công ty	300.000.000	-
Xây dựng cơ bản khác	357.044.098	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.134.830.392</b>	<b>30.404.545</b>

**5.7. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị các công cụ, dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

**5.8. Vay ngắn hạn**

Khoản vay ngân hàng bằng tiền VND với lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ trong khoảng từ 18%/năm đến 19,5%/năm. Mục đích vay để mua nguyên vật liệu và các chi phí khác phục vụ phương án sản xuất gạch các loại.

**5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải trả người bán	5.578.500.167	1.108.927.287
Người mua trả tiền trước	341.129.598	30.464.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.919.629.765</b>	<b>1.139.391.287</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả cho bên liên quan là 4.303.256.373 VND – xem thêm mục 8.

**5.10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	21.155.475	23.697.100
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	47.108.974	5.567.028
Phải trả về cổ phần hóa	163.352.300	163.352.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.018.730.229	2.379.629.147
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.250.346.978</b>	<b>2.572.245.575</b>

Trong khoản phải trả, phải nộp khác có khoản phải trả bên liên quan là 5.248.836.857 đồng – xem mục 8.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	773.494.951	702.600.531
Trích lập trong năm	551.766.393	624.626.642
Sử dụng trong năm	(508.123.126)	(529.621.771)
Điều chỉnh khác	-	(24.110.451)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>817.138.218</b>	<b>773.494.951</b>

**5.12. Vay dài hạn**

Là khoản vay bằng VND từ Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang với thời hạn 60 tháng; lãi suất trong 03 tháng đầu là 17%/năm, các tháng sau chịu lãi suất 14,25%/năm; mục đích vay đầu tư dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel; khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ "Dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel nâng công suất từ 25 lên 40 triệu viên/năm".

**5.13. Vốn chủ sở hữu**

**5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ từ thiên xã hội	EVT: ngàn đồng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	23.359.614.381	493.183.094	1.639.282.821	-	25.492.080.296
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	6.933.001.628	-	6.933.001.628
Trích lập quỹ	-	312.313.321	(996.939.963)	60.000.000	(624.626.642)
Chia cổ tức	-	-	(2.335.961.000)	-	(2.335.961.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(43.622.520)	(43.622.520)
Giảm khác	(4.381)	-	(59.334.165)	-	(59.338.546)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>23.359.610.000</b>	<b>805.496.415</b>	<b>5.180.049.321</b>	<b>16.377.480</b>	<b>29.361.533.216</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.130.737.699	-	6.130.737.699
Trích lập quỹ	-	275.883.196	(897.649.589)	70.000.000	(551.766.393)
Chia cổ tức	-	-	(6.657.380.000)	-	(6.657.380.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(86.347.500)	(86.347.500)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>23.359.610.000</b>	<b>1.081.379.611</b>	<b>3.755.757.431</b>	<b>29.980</b>	<b>28.196.777.022</b>

(phần tiếp theo ở trang 18)

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	9.644.610.000	9.644.610.000
▪ Ông Lê Quang Tuấn	750.000.000	1.500.000.000
▪ Ông Nguyễn Chí Nghĩa	220.000.000	220.000.000
▪ Vốn góp của các đối tượng khác	12.745.000.000	11.995.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.359.610.000</b>	<b>23.359.610.000</b>

### 5.13.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.335.961	2.335.961
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.335.961	2.335.961
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.335.961	2.335.961
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

### 5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	6.130.737.699	6.933.001.628
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.335.961	2.335.961
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>2.625</b>	<b>2.968</b>

### 5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	5.180.049.321	1.639.282.821
Lợi nhuận sau thuế trong năm	6.130.737.699	6.933.001.628
Tăng khác (điều chỉnh quỹ KT-PL năm 2008)	-	40.665.835
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(275.883.196)	(312.313.321)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(551.766.393)	(624.626.642)
Trích lập Quỹ từ thiện xã hội	(70.000.000)	(60.000.000)
Các khoản chi khác	-	(100.000.000)
Chia cổ tức	(6.657.380.000)	(2.335.961.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>3.755.757.431</b>	<b>5.180.049.321</b>

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sản phẩm gạch	29.044.032.984	28.204.405.192
Doanh thu vận chuyển gạch	2.025.766.465	1.674.106.568
Giảm giá hàng bán	-	(44.809.091)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>31.069.799.449</b>	<b>29.833.702.669</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của sản phẩm gạch	16.759.729.912	15.686.373.148
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển gạch	2.398.983.460	2.295.155.462
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.158.713.372</b>	<b>17.981.528.610</b>

### 6.3. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	403.941.750	13.472.718
Chi phí công cụ, dụng cụ	285.205.001	14.240.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.931.913	83.322.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.395.616.969	1.509.793.422
Chi phí khác bằng tiền	365.843.573	312.772.002
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.556.539.206</b>	<b>1.933.601.054</b>

### 6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	771.809.339	1.161.859.461
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	85.073.859	18.580.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	262.959.282	276.994.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.215.717	245.797.908
Chi phí khác	948.015.969	1.004.680.743
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.376.074.166</b>	<b>2.707.912.713</b>

### 6.5. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.718.249.441	3.937.188.649
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	20.261.964.179	17.968.859.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.320.859.913	1.328.902.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.198.299.051	1.701.595.903
Chi phí khác	492.402.755	521.435.452
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.991.775.339</b>	<b>25.457.982.712</b>

## 7. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ sản xuất kinh doanh một loại sản phẩm là gạch tuynel và không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	Công ty liên kết
2. Công Ty TNHH 1 Thành Viên Phát Triển Nhà Kiên Giang	Công ty cùng tập đoàn

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	1.867.735.010	197.737.790
Phải trả - Xem thêm mục 5.9 & 5.10	(9.552.093.230)	(2.314.706.400)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(7.684.358.220)</b>	<b>(2.116.968.610)</b>

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bán hàng	7.004.636.715	4.653.829.997
Nhận cung cấp dịch vụ (xây dựng nhà xưởng dây chuyền 2)	9.754.070.542	-
Thanh toán cổ tức	-	2.552.933.175
Chuyển trả tiền cổ phần hóa	-	4.105.135.190

- Thù lao Hội đồng quản trị, lương giám đốc và các thành viên chủ chốt khác:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	192.000.000	132.000.000
Thù lao ban kiểm soát	24.000.000	7.000.000
Lương Giám đốc	200.762.100	180.000.000
Lương các nhân viên chủ chốt khác	154.102.000	111.275.339
<b>Tổng cộng</b>	<b>570.864.100</b>	<b>430.275.339</b>

### 9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

(phần tiếp theo ở trang 21)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.589.968.730	2.375.949.048
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.846.792.430	3.624.634.788
Tài sản tài chính khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.436.761.160</b>	<b>6.000.583.836</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	10.124.115.648	2.301.383.398
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	8.057.258.867	3.606.285.987
Chi phí phải trả	22.603.546	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.203.978.061</b>	<b>5.907.669.385</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	6.624.115.648	3.500.000.000	10.124.115.648
Phải trả người bán và phải trả khác	8.057.258.867	-	8.057.258.867
Chi phí phải trả	22.603.546	-	22.603.546
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.703.978.061</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>18.203.978.061</b>

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	2.301.383.398	-	2.301.383.398
Phải trả người bán và phải trả khác	3.606.285.987	-	3.606.285.987
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.907.669.385</b>	<b>-</b>	<b>5.907.669.385</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.846.792.430	-	3.846.792.430
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.846.792.430</b>	<b>-</b>	<b>3.846.792.430</b>

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.624.634.788	-	3.624.634.788
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.624.634.788</b>	<b>-</b>	<b>3.624.634.788</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2012.

Kiên Lương, ngày 20 tháng 03 năm 2012

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**PHẠM VĂN CƠ**

**GIÁM ĐỐC**



**LÂM DUY KHÁNH**